

CẢM QUAN THIÊN PHẬT TRONG THƠ NGUYỄN BÌNH KHIÊM

Nguyễn Công Lý

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Tp Hồ Chí Minh

Email: nguyencongly54@yahoo.com.vn

Ngày nhận: 10/3/2021; Ngày duyệt đăng: 16/7/2021

Tóm tắt

Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm không chỉ là một bậc chân Nho mà còn là một Phật tử thuần thành, một thiền gia ít nhiều đã thực hành và am hiểu về Thiên Phật. Bài viết này sẽ trình bày rõ cảm quan Thiên Phật được thể hiện trong thơ của ông.

Từ khoá: Thơ Nguyễn Bình Khiêm; Cảm quan Thiên Phật.

Zen - Buddhism performance in the poetry Nguyen Binh Khiem

Abstract

Nguyen Binh Khiem is not only a Confucianist but also a sincere Buddhist, a Zen teacher more or less practiced and knowledgeable about Zen Buddhism. This article will expose the sense of Zen Buddhism which expressed in his poetry.

Keywords: Poetry Nguyen Binh Khiem; Sense of Zen Buddhism.

Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm (1491-1585), là một trong những tác gia lớn của văn học cổ điển Việt Nam. Tiên sinh là bậc đại Nho nhưng trong thơ văn của ông không chỉ nói tiếng nói của Nho gia mà còn thể hiện tư tưởng của Thiên Phật và Lão - Trang. Bài viết này sẽ tìm hiểu về cảm quan Thiên Phật trong thơ của Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm.

Nguyễn Bình Khiêm bên cạnh tư cách là nhà thơ, nhà tư tưởng, nhà văn hoá tiêu biểu Nho gia thế kỷ XVI thì Cụ còn là một Phật tử chân chính. Cụ đã đặt hiệu của mình là “Bạch Vân cư sĩ”, mà “cư sĩ” là từ của nhà Phật, dùng để chỉ người tu tại gia, am hiểu Thiên Phật. Có nhiều bài trong hai tập thơ *Bạch Vân am thi tập* (chữ Hán) và *Bạch Vân quốc ngữ thi tập* (chữ Nôm), cụ Trạng

Trình viết về Thiên Phật, thể hiện cảm quan Thiên Phật một cách rất sâu sắc, làm cho nội dung tư tưởng trong thơ của cụ thêm uyên áo, đa dạng và phong phú hơn.

Cảm hứng Thiên Phật được Nguyễn Bình Khiêm thể hiện trong thơ chữ Hán qua một số bài như *Ngộ Trung nguyên xá tội*, *Du Phổ Minh tự*, *Độc Phật kinh hữu cảm*, ...

Bài *Ngộ Trung nguyên xá tội* 遇中元赦罪 được gợi cảm hứng từ ngày Rằm tháng Bảy, tiết Trung nguyên, nhà Phật có nghi lễ xá tội vong nhân. Nghi lễ này bắt nguồn từ câu chuyện ngài Mục Kiền Liên, vị đệ nhất thần thông, một trong mười vị đại đệ tử của Đức Phật. Ngài đã vận thần thông mới biết rằng sau khi mất bà Thanh Đề là mẹ của ngài đang bị đọa tại địa ngục thứ mười, chịu những cực hình thảm khốc. Ngài bạch với

Đức Phật, Phật đã chỉ phương cách để Mục Kiền Liên cứu mẹ, giải thoát khỏi cảnh địa ngục bằng cách nhờ vào uy đức của Tăng đoàn sau ba tháng an cư kiết hạ tu tập, mà kinh văn *Phật thuyết Vu Lan bồn kinh* 佛說盂蘭盆經 có ghi lại. Trong bài thơ, Nguyễn Bình Khiêm nhắc lại nội dung này, nhưng ông còn muốn nhờ vào sức từ bi của Đức Phật không chỉ giải thoát cho người đã chết mà còn để cứu tất cả những người đang sống đang chịu cảnh lầm than. Bài thơ tứ tuyệt ngắn gọn nhưng lại chứa đựng một tư tưởng nhân văn to lớn, cao đẹp của nhà thơ:

天地那容罪惡人,是何赦罪有良辰。
我今欲仗慈悲力,救得無辜塗炭人。

Thiên địa na dung tội ác nhân,

Thị hà xá tội hữu lương thân.

Ngã kim dục trượng từ bi lực,

Cứu đắc vô cô đồ thán nhân.

(**Gặp tiết Trung nguyên xá tội.** Trời đất nào có dung tha kẻ ác,/ Thế thì tại sao lại có ngày lành tha tội?/ Ta nay muốn nhờ vào sức của lòng từ bi,/ Cứu bằng được những người vô tội lầm than.¹)

Trong những năm tháng đất nước loạn lạc bởi nạn Nam - Bắc triều, có lần Nguyễn Bình Khiêm đến viếng chùa Phổ Minh ở hương Tức Mặc, huyện Mỹ Lộc, phủ Thiên Trường (nay thuộc xã Lộc Vương, huyện Mỹ Lộc, thành phố Nam Định, quê hương nhà Trần). Chùa được xây dựng đời Trần, có đỉnh (vạc) nổi tiếng, là một trong An Nam tứ đại khí. Vạc đồng tại chùa đã bị giặc Minh phá huỷ để đúc súng đạn vào năm 1426, khi giặc bị nghĩa quân Lam Sơn bao vây. Trong bài thơ, tác giả đã ghi lại cảm xúc của mình trước cảnh. Pháp giới là từ ngữ nhà Phật, có lý pháp giới (bản thể) và

sự pháp giới (hiện tượng), hai pháp giới này có quan hệ biện chứng với nhau, theo tinh thần tương nhập tương tức, lý sự vô ngại như *Kinh Hoa nghiêm* đã chỉ rõ. Ở câu thơ cuối, tác giả ngậm ngùi khi biết đỉnh vạc Phổ Minh nổi tiếng một thời, nay không còn nữa, nhờ thế mới ngộ ra chân lý “cái không hình tướng vẫn thẳng cái có hình tướng”, tức đề cập đến một trong những tư tưởng triết lý nhà Phật. Bài *Du Phổ Minh tự* 遊普明寺, ông viết:

亂後重尋到普明,園花野草舊巖扃。

碑文剝落和煙碧,佛眼淒涼照夜清。

法界應同天廣大,鄉人猶說地英靈。

寥寥古鼎今何在,識得無形勝有形。

Loạn hậu trùng tầm đảo Phổ Minh,

Viên hoa dã thảo cựu nham quynh.

Bi văn bác lạc hoà yên bích,

Phật nhãn thê lương chiếu dạ thanh.

Pháp giới ưng đồng thiên quảng đại,

Hương nhân do thuyết địa anh linh.

Liêu liêu cổ đỉnh kim hà tại,

Thức đắc vô hình thẳng hữu hình.

(**Chơi chùa Phổ Minh.** Sau loạn lạc lại tìm đến chùa Phổ Minh/ Vẫn hoa vườn cỏ nội với cửa đá cũ./ Vẫn bia mờ nhạt hoà trong làn khói biếc,/ Mắt Phật lạnh lùng soi thấu đêm thanh./ Pháp giới phải ngang với tầm rộng lớn của trời,/ Người làng vẫn nói đến sự anh linh của đất./ Vắng vẻ lặng lẽ, vật xưa nay còn đâu?/ Thế mới biết không hình tướng vẫn thẳng có hình tướng.²)

Bài *Độc Phật kinh hữu cảm* 讀佛經有感, nhà thơ ghi lại những cảm xúc, nhận thức của mình sau khi đọc kinh Phật. Trong bài thơ, tác giả đã dùng nhiều từ ngữ rút từ kinh văn nhà Phật: *Như như* 如如 là chân như, nhất như, tự tại, để nói cái bản thể vốn

¹ Bùi Duy Tân (chủ biên) (1997). *Tổng tập văn học Việt Nam*. Tập 6, Hà Nội, Nxb Khoa học xã hội: 563.

² Sdd: 497.

có chân thật. *Tùy duyên* 隨緣 là thuận theo, ứng theo cái duyên; tức thuận theo, ứng theo sự vật tác động đến. *Điền địa* 田地 là đất ruộng, cùng nghĩa với *Tâm điền* 心田 là ruộng tâm, dùng để chỉ tính thiện, thiên lương vốn có trong lòng mỗi người. Câu thực ghi lại quan niệm của nhà Phật khi cho rằng thời gian luôn đáp đối, tuần hoàn, luân hồi. Hai câu kết, tác giả khuyên người đời cần cắt bỏ cỏ hoang trong ruộng tâm (tức đoạn trừ ác tâm) để vun trồng hoa giác ngộ (tức gieo trồng thiện tâm). Câu thơ có ý nghĩa là nếu con người ta biết tự tu thân, khi đã nhận thức và hiểu được điều đó, ít nhiều đã giác ngộ thì sẽ diệt hết tham vọng và oán thán:

聞說如如是釋迦, 隨緣功德等河沙。
無窮出沒年年月, 有己榮枯樹樹花。
人幸富慊千古少, 數飢貧恨一身多。
盡中縱有閑田地, 謂翦榛蕪植覺花。
Văn thuyết như như thị Thích Ca,
Tùy duyên công đức đẳng hà sa.
Vô cùng xuất một niên niên nguyệt,
Hữu kỷ vinh khô thụ thụ hoa.
Nhân hạnh phú, hiềm thiên cổ thiếu,
Số cơ bản, hận nhất thân đa.
Tận trung túng hữu nhàn điền địa,
Vị tiễn trần vụ thực giác hoa.

(Cảm nghĩ khi đọc kinh Phật. Nghe nói đạo như như là đạo của Thích Ca,/ Theo duyên của chúng sinh mà giáo hoá, công đức của Phật nhiều như cát sông Hằng./ Năm năm tháng tháng trôi qua rồi trở lại, không biết thế nào là cùng./ Cây cây hoa hoa tươi rồi lại héo, có được mấy chốc./ Người nào may mà được giàu có, thì nếu giàu đến nghìn đời vẫn còn cho là ít./ Người

nào không may bị nghèo, lại tức giận chỉ một thân mình cũng đã là nhiều./ Nếu trong tâm có mảnh đất ruộng bỏ rồi,/ Nên cắt bỏ những thứ cỏ hoang mà vun trồng lấy thứ hoa giác ngộ.³⁾

Trong thơ *Nôm Bạch Vân quốc ngữ thi tập* có các bài *Giới tham, Giới sắc, Giới sùng Phật vô ích, ...* Bài *Giới tham* được viết để khuyên răn người có lòng tham:

Tượng trời âu đã quá đồng cân,
Định cho ai, ắt có phần.
Muốn vô nhai, khôn lẽ được,
On phi phận, khá đều phân.
Đủ no hay vậy, xin thông thả,
Sục sạo làm chi, luống nhọc nhằn.
Nếu tham lam thì phải thiệt,
Hãy ghi lời ấy để mà răn.⁴

Nhà Phật cho rằng ba thứ Tham, Sân, Si (tam độc) đã làm cho người ta đau khổ, mê muội triền miên trong tam đồ lục đạo, trong đó Tham là cái đứng đầu, bởi lòng tham con người là không có bến bờ, không có điểm dừng (vô nhai: không có đường chân trời). Dân gian ta cũng có câu “Tham thì thâm”. Nhà thơ quan niệm con người ta mỗi người đều có số phận khác nhau, sang hay hèn, giàu hay nghèo, sướng hay khổ là do duyên phận, trời định, vì thế không nên nôn nóng, bồn chồn (sục sạo) làm gì, bởi ông trời rất công bằng, rất vô tư. Bởi vậy, con người nên thông thả, tùy theo tính phận của mình. Bài thơ ít nhiều có sự dung hợp các hệ tư tưởng của phương Đông, chứ không chỉ thuần túy thể hiện tư tưởng nhà Phật.

Trong cái nhìn của nhà Nho và trong giới luật của nhà Phật thì Sắc là giới răn

³ Đinh Gia Khánh, Bùi Duy Tân, Hồ Như Sơn biên soạn, giới thiệu (1983). *Thơ văn Nguyễn Bình Khiêm*. Hà Nội, Nxb Văn học.

⁴ *Sđđ*

khuyên con người thế tục cần phải gìn giữ, đề phòng chu đáo, không để sơ suất. Trong thơ cổ Trung Quốc có câu *Sắc bất ba đào di nịch nhân* (Sắc đẹp không phải là sóng dữ mà dễ khiến làm xiêu đắm lòng người); và Lý Diên Niên đời Đường cũng đã viết: *Nhất tiểu khuynh nhân thành, Tái tiểu khuynh nhân quốc*. (Người đẹp cười lần thứ nhất làm nghiêng thành người, Cười lần thứ hai làm nghiêng nước người). Con người ta khi gần sắc đẹp, nếu chẳng biết giữ mình, để cho lòng tục lôi kéo sẽ dẫn đến chỗ “lừa gần rom lâu ngày cũng bén” thì lúc đó sẽ quên hết lễ trời và đạo người. Nếu ai mà giữ được thì rất đáng khen là hiền (kham hiền). Theo quan điểm Nho gia, luận về mọi tội ác xảy ra thì dâm là đứng đầu (dâm vi thủ). Sách Nho có câu “*Bách ác, dâm vi thủ; Vạn thiện, hiếu vi tiên.*” (Trăm điều ác thì dâm đứng đầu; Vạn điều lành thì hiếu đứng trước hết). Bài thơ *Giới sắc* (Răn người ham mê sắc đẹp), ông viết:

*Cần cho hay, chẳng phải chơi,
Sắc xem dường sóng, dễ xiêu người.
Lừa rom nếu chữa ngăn lòng tục,
Giường mỗi đâu còn biết lễ trời.
Có chồng con bao xiết nổi,
Hay bùa thuốc ấy thói đời.
Kham hiền, luận ác “dâm vi thủ”,
Cần cho hay, chẳng phải chơi.⁵*

Còn bài *Giới sùng Phật vô ích* (Răn sùng bái Phật không có ích gì), ở đây, nhà thơ không phải viết ra để dả kích tư tưởng giáo lý nhà Phật, bởi Nguyễn Bình Khiêm là một phật tử, ông tự xưng mình là “*cư sĩ*”, tức là người tu tại gia theo Phật, mà viết ra là nhằm phê phán những người theo Phật mà quá mê tín, sùng tín, chẳng hiểu ý nghĩa giáo lý của Phật. Nhà thơ quan niệm Phật ở

trong lòng (Phật tại tâm), “*Phật ấy là ta*”. Con người nếu biết tu tâm, dưỡng tính, biết sửa mình theo tính thiện thì đã đạt cái đức rồi. Theo quan niệm của tác giả, người xuất gia đi tu mà dối trá thì tín đồ đừng có nghe và tin theo. Các vị sư nhà chùa hay khuyên giáo quần chúng nên thực hiện những việc như đúc chuông, làm tượng là góp công đức vô lượng, là gieo nhân lành. Thực tế theo lời Phật dạy, thì việc làm này chỉ tích thiện, tạo phúc chứ không tạo đức. Bài thơ kết lại bằng tích vua Lương Vũ Đế (464-549; trị vì 502-549) thời Nam Bắc triều ở Trung Quốc trước khi tin Phật, ông không phải là minh quân, nhưng sau đó, nhờ cơ duyên, được giáo hoá, ông tự thấy lỗi lầm của mình, tự sám hối (bản kinh *Lương hoàng sám*), nên từ đó hai cha con nhà vua rất sùng mộ đạo Phật, in kinh ấn tống, xây chùa, bố thí, phát triển đạo Phật. Nhưng cuối đời hai cha con nhà vua bị Hậu Cảnh vây đánh suốt bảy ngày đêm, không có gì ăn phải chết đói. Chuyện này sử sách có ghi rõ ràng. Nên nhà thơ đặt câu hỏi: Thế thì sùng đạo Phật nào có ích gì?. Viết đến đây, tôi chợt nhớ lại câu chuyện trao đổi về Phật pháp giữa vua Lương Vũ Đế và tổ Bồ Đề Đạt Ma.

Trong lịch sử Phật giáo Trung Quốc, Lương Vũ Đế được ghi nhận là vị vua có nhiều công lao phát triển Phật giáo. Ông được Phí Trường Phòng, tác giả của bộ *Lịch đại Tam bảo ký* ca ngợi về niềm tin không thể nghĩ bàn (bất khả tư nghị) của một vị vua Bồ tát (Tín bất tư nghị Bồ tát quân dã. 信不思議菩薩君也). Thậm chí, một số nhà nghiên cứu còn cho rằng, sự nghiệp hộ trì Phật giáo của Lương Vũ Đế ở Trung Quốc có thể sánh với vua A Dục (Asoka) ở Ấn Độ

⁵ Đinh Gia Khánh, Bùi Duy Tân, Hồ Như Sơn biên soạn, giới thiệu (1983). *Thơ văn Nguyễn Bình Khiêm*. Hà Nội, Nxb Văn học.

thế kỷ thứ ba trước Công nguyên thuở xưa. Tuy nhiên, trong cuộc hội kiến lịch sử với Bồ Đề Đạt Ma vào năm đầu Đại Thông (527), vua Lương Vũ Đế đã nêu lên trần trở: *Trẫm một đời tạo tự, độ Tăng, thiết trai bố thí, được bao nhiêu công đức?.* Tổ Đạt Ma đáp: *Không có công đức.* Câu trả lời của Bồ Đề Đạt Ma như tiếng sét giữa trời quang, làm cho Lương Vũ Đế và cả triều đình nín lặng. Sau cuộc vấn đạo bất thành, Bồ Đề Đạt Ma đã vượt sông Dương Tử đi về mạn Bắc. Vì sao? Bởi việc hai cha con vua Lương Vũ Đế và Thái tử Chiêu Minh in kinh, xây chùa, bố thí, thiết trai cúng dường chư Tăng, ... theo quan điểm nhà Phật và của tổ Đạt Ma là việc làm chỉ tạo **Phước** chứ không thể tạo **Đức** tích **Đức**, cho nên tổ Đạt Ma mới phủ nhận công đức của nhà vua là do vậy. Còn việc hai cha con ông bị Hâu Cảnh bao vây, rồi chết đói là cái nghiệp ông phải trả, có thể cái nghiệp này ông đã tạo ra từ lúc trước khi tin theo Phật, hoặc từ tiền kiếp. Vì thế bài *Giới sùng Phật vô ích*, Bạch Vân cư sĩ mới viết:

*Suy lý cho cùng Phật ấy ta,
Lọ là chung bóng đạo Di Đà?
Hiền lành, hãy giữ bề tu kỹ,
Dối trá, đừng nghe đũa xuất gia.
Để chúng đức chuông nhân đã lạ,
Đặt điều phá ngục thói ru mà.
Chẳng tin, Lương Vũ còn bia cũ,
Tra, mà lại biết thực chẳng ngoa.⁶*

Tóm lại, rõ ràng rằng, Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm không chỉ là một bậc chân Nho mà còn là một Phật tử thuần thành, một thiền gia ít nhiều đã thực hành và am hiểu về Thiên Phật.

Lời cảm ơn

Nghiên cứu này thuộc đề tài Khoa học Công nghệ cấp Đại học Quốc gia Tp Hồ Chí Minh. Mã số: C2019-18b-01.

Tài liệu tham khảo

- Bùi Duy Tân (chủ biên) (1997). *Tổng tập văn học Việt Nam*. Tập 6. Hà Nội, Nxb Khoa học Xã hội.
- Đình Gia Khánh, Bùi Duy Tân, Hồ Như Sơn (biên soạn, giới thiệu) (1983). *Thơ văn Nguyễn Bình Khiêm*. Hà Nội, Nxb Văn học.
- Nguyễn Công Lý (2007). *Phật giáo và văn học cổ điển Việt Nam*. Giáo trình giảng dạy Cao học Văn học Việt Nam và Cao học Hán Nôm, Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQG Tp HCM.
- Nguyễn Công Lý (2014). Về kiểu tư duy nghệ thuật trực cảm tâm linh trong văn chương (qua khảo sát văn học Phật giáo Việt Nam). *Tạp chí Hán Nôm*, số 3 (124).
- Nguyễn Công Lý (2018). *Văn học Việt Nam thời Lê - Mạc, Nam Bắc phân tranh*, Tp Hồ Chí Minh, Nxb Đại học Quốc gia Tp Hồ Chí Minh.

⁶ *Tổng tập văn học Việt Nam*. Tập 6. Bùi Duy Tân (chủ biên) (1997). Hà Nội, Nxb Khoa học Xã hội: 441